| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN V**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2021/HS-ST
Ngày: 15-6-2021.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Quốc Mậu.

Ông Trần Đình Mạnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

**Đỗ Hồng T**, sinh năm 1979, tại T Hóa.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 10, khu phố 6, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Nhà 12, ngách 4A/4, Đặng Văn Ngữ, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn G và bà Nguyễn Thị B (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Thu H và 01 con.

Tiền án: Ngày 16-8-2017, bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23-5-2007, bị Công an phường 15, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính 200.000 đồng về hành vi "Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác" và ngày 07-5-2021, bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-12-2020 cho đến nay (Có mặt).

*- Bị hại:*

+ Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Cháu Trần Kế H, sinh ngày 07-10-2005 (Vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của cháu H là:* Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

+ Bà Đào Thị Bích V, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do chơi chứng khoán bị thua lỗ dẫn đến bị nợ nần và do không có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo Đỗ Hồng T đã nảy sinh ý định đi chiếm đoạt các cuộn dây điện của các cửa hàng mua bán đồ điện gia dụng để đem đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Thực hiện ý định, trong thời gian từ tháng 5-2020 đến tháng 6-2020, bị cáo T đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện V, tỉnh Nam Định, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Trưa ngày 21-5-2020, T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu vàng đồng gắn BKS 29E1-62263 đi từ thành phố Hà Nội về khu vực thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì T về đến khu vực chợ chiều thuộc địa phận Tổ dân phố M, thị trấn G, huyện V, T có hỏi một người phụ nữ bán thịt bò ở ven đường Quốc lộ 10 là ở đây có cửa hàng bán đồ điện gia dụng nào không thì người phụ nữ bán thịt đó đã chỉ cho T đi vào phía trong chợ, T đi vào phía trong chợ thì phát hiện thấy ở phía bên tay phải có cửa hàng bán đồ điện gia dụng "Sỹ Trang", T đứng ngoài quan sát một lúc xem cửa hàng có dây điện không rồi đi vào bên trong cửa hàng. Khi vào bên trong cửa hàng T gặp 02 người phụ nữ, trong đó 01 người là chị Nguyễn Thị Kiều T là chủ cửa hàng, còn 01 người là người bán hàng cho chị T, dáng người thấp, bị khuyết tật. Sau khi vào bên trong cửa hàng T liền đi tới chỗ để các cuộn dây điện ở ngay gần cửa ra vào và hỏi chị T mua dây điện thì chị T có hỏi T mua loại nào thì T đã chọn 04 cuộn dây điện màu vàng đều của hãng TRẦN PHÚ – TRAFUCO, kích thước cụ thể từng cuộn như sau: 01 cuộn KT là (2x6)$mm^2$, 02 cuộn KT là (2x4)$mm^2$, 01 cuộn KT là (2x0,75)$mm^2$. Tất cả 04 cuộn dây điện này đều mới, được cuộn thành hình tròn, bên ngoài được bọc ni lông trong suốt và độ dài của mỗi cuộn đều là 100m. Chị T đã đồng ý bán 04 cuộn dây điện này cho T, với số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Sau khi chị T và T thống nhất, thỏa thuận xong với nhau về giá cả thì T nói với

chị T là T không mang theo tiền, T đang xây nhà ở gần khu vực cửa hàng của chị T và bảo chị T cho người đi cùng với T để về nhà T lấy tiền. Ban đầu chị T không đồng ý nhưng sau khi T trò chuyện và thuyết phục một lúc thì chị T đã đồng ý và gọi con trai của mình là cháu Trần Kế H đi cùng với T để lấy tiền. T để 03 cuộn dây điện KT (2x6)$mm^2$ và (2x4)$mm^2$ trên giá để hàng của xe mô tô, còn 01 cuộn KT (2x0,75)$mm^2$ bảo cháu H ngồi sau ôm rồi T điều khiển xe mô tô chở cháu H và các cuộn dây điện đi đến khu vực khu Công nghiệp B thuộc địa phận xã L, huyện V, tỉnh Nam Định thì T dừng xe lại và bảo cháu H xuống xe đứng ở đó để chờ T về nhà lấy tiền đem ra đưa cho cháu H và cháu H đã xuống xe đứng đợi. Sau khi cháu H xuống xe T liền điều khiển xe mô tô chở 04 cuộn dây điện đi theo Quốc lộ 10 ra ngoài thành phố Nam Định rồi đi lên thành phố Hà Nội sau đó T đem các cuộn dây điện đó đến cửa hàng bán đồ điện gia dụng "Hải Linh" ở địa chỉ: Số nhà 1, ngõ 145, phường M, quận N, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1979, trú cùng địa chỉ nêu trên là chủ cửa hàng và bán cho anh C được số tiền 5.550.000 đồng và T đã một mình tiêu sài cá nhân hết số tiền đó.

Vụ thứ hai: Cũng với thủ đoạn tương tự như trên, vào khoảng 14 giờ 21-6-2020, T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu vàng đồng gắn BKS 29V5-04450 đến cửa hàng bán đồ điện gia dụng "Tám Thiện" ở thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định do chị Trần Thị T, sinh năm 1990 là chủ cửa hàng. Sau khi vào bên trong cửa hàng T đi đến chỗ để các cuộn dây điện và hỏi chị T mua dây điện rồi T chọn 04 cuộn dây điện màu vàng đều của hãng TRẦN PHÚ - TRAFUCO, kích thước cụ thể của từng cuộn như sau: 01 cuộn KT là (2x4)$mm^2$, 01 cuộn KT là (2x2,5)$mm^2$, 01 cuộn KT là (2x1,5)$mm^2$ và 01 cuộn đã bán lẻ một phần chỉ còn lại 69m có KT là (2x4)$mm^2$. Tất cả 04 cuộn dây điện này đều được cuộn thành hình tròn, trong đó 03 cuộn mới bên ngoài được bọc ni lông trong suốt và độ dài của mỗi cuộn đều là 100m. Chị T đã đồng ý bán 04 cuộn dây điện này cho T với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Sau khi chị T và T thống nhất, thỏa thuận xong với nhau về giá cả thì T nói với chị T là T không mang theo tiền và bảo chị T cho người đi cùng với T để về nhà T lấy tiền thì chị T có hỏi T nhà ở đâu thì T trả lời là T đang xây nhà ở dưới xã Y, huyện Y. Ban đầu chị T không đồng ý nhưng sau khi T thuyết phục thì chị T đã đồng ý và bảo mẹ chồng của mình là bà Đào Thị Bích V đi cùng với T để lấy tiền. Sau đó T đã điều khiển xe mô tô chở theo bà V và 04 cuộn dây điện nêu trên theo đường Quốc lộ 37B hướng xã T đi xã Y, huyện Y. Khi đi đến khu vực nghĩa trang thôn T, xã Y, huyện Y thì T dừng xe ngay trước cửa một nhà dân ở ven đường và bảo bà V xuống xe chờ T ở đó để T đi đến chỗ T đang xây nhà lấy tiền trả cho bà V. Sau khi bà V xuống xe T liền điều khiển xe mô tô chở 04 cuộn dây điện ngược theo đường cũ đi ra ngoài thành phố Nam Định rồi đi lên thành phố Hà Nội, sau đó T tiếp tục đem các cuộn dây điện đó đến cửa hàng bán đồ điện gia dụng "Hải Linh" bán cho C được số tiền 4.235.000 đồng và T đã một mình tiêu sài cá nhân hết số tiền đó.

Cả hai lần bán các cuộn dây điện cho anh C thì T đều nói với anh C là mình làm công trình xây dựng, sau khi hoàn thành công trình còn lại các cuộn dây điện thừa không sử dụng hết nên bán. Đối với các cuộn dây điện mà T đã bán cho anh C thì sau khi mua anh C đã bán lại hết cho những người khách hàng, anh C không quen biết và không có giấy tờ gì ghi chép lại thông tin, địa chỉ của những người khách hàng đó. Vì vậy không thể xác định được họ là ai, ở đâu nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V không thể thu giữ được vật chứng của vụ án.

Ngày 26-02-2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã có văn bản đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, tỉnh Nam Định định giá các cuộn dây điện mà T đã chiếm đoạt của chị T và chị T (định giá qua hồ sơ). Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/ĐGTS ngày 02-3-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y đã kết luận: Tổng giá trị tài sản của vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định (tức vụ lừa đảo tại cửa hàng đồ điện gia dụng "Sỹ Trang") là 6.759.700 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm đồng); tổng giá trị tài sản của vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (tức vụ lừa đảo tại cửa hàng đồ điện gia dụng "Tám Thiện") là 5.036.460 đồng (Năm triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi đồng).

Tại cơ quan điều tra Công an huyện V, bị cáo Đỗ Hồng T đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu trên.

Cáo trạng số 26/CT-VKSVB ngày 07-5-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Đỗ Hồng T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn điều tra và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử người bị hại là chị Nguyễn Thị Kiều T và chị Trần Thị T đã yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho mình số tiền bằng với số tiền mà Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y đã định giá về các tài sản của mình bị chiếm đoạt, đồng thời chị T và chị T còn đề nghị Tòa án xét xử, xử lý nghiêm minh đối với bị cáo.

**Tại phiên tòa**:

Bị cáo Đỗ Hồng T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu trên và bị cáo đồng ý với mức yêu cầu bồi thường của những người bị hại đã yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố, sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo và đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Hồng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56; Điều 104 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Hồng T từ 21 tháng đến 24 tháng tù và tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2021/HSST ngày 07-5-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Buộc bị cáo Đỗ Hồng T phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là từ 48 tháng đến 51 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12-12-2020. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 468, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đỗ Hồng T phải bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Kiều T số tiền là 6.759.700 đồng và bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền là 5.036.460 đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự: Buộc bị cáo Đỗ Hồng T phải nộp theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Hồng T tại phiên tòa phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V. Nên, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận:

Vào chiều ngày 21-5-2020, tại cửa hàng bán đồ điện gia dụng "Sỹ Trang" ở Tổ dân phố M, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định do chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1980, trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định là chủ và vào chiều ngày 21-6-2020, tại cửa hàng bán đồ điện gia dụng "Tám Thiện" ở thôn D, xã Tam T, huyện V, tỉnh Nam Định do chị Trần Thị T, sinh năm 1990, trú tại: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định làm chủ thì bị cáo Đỗ Hồng T đã thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối đối với chị T và chị T

để chiếm đoạt của chị T 04 cuộn dây điện của hãng TRẦN PHÚ - TRAFUCO, có tổng giá trị là: 6.759.700 đồng (Sáu triệu bẩy trăm năm mươi chín nghìn bẩy trăm đồng) và chiếm đoạt của chị T 04 cuộn dây điện của hãng TRẦN PHÚ - TRAFUCO, có tổng giá trị là: 5.036.460 đồng (Năm triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi đồng) và sau khi chiếm đoạt được các cuộn dây điện nêu trên của chị T và chị T thì bị cáo T đều đem đến cửa hàng bán đồ điện gia dụng "Hải Linh" ở địa chỉ: Số nhà 1, ngõ 145, phường M, quận N, thành phố Hà Nội bán cho anh Nguyễn Việt C là chủ cửa hàng được tổng số tiền là: 9.785.000 đồng rồi một mình tiêu sài cá nhân hết số tiền đó.

Đối chiếu hành vi mà bị cáo T đã thực hiện nêu trên với quy đinh của Bộ luật Hình sự hiện hành thì thấy hành vi đó của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đối với hành vi của bị cáo T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, làm cho người dân luôn lo sợ kẻ gian bất chấp pháp luật bằng mọi thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản hợp pháp của mình. Do đó buộc bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình và cần phải áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5]. Về nhân thân và các tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, trước lần bị đưa ra xét xử này bị cáo đã bị Công an phường 15, quận P, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác" và đã bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định cùng kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 16-8-2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên tính đến ngày phạm tội lần này thì bị cáo chưa được xóa án tích về tiền án này; bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và giá trị của tài sản mỗi lần bị cáo chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" và "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội một thời gian nhất định nữa thì mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội được và xét thấy tại bản án hình sự sơ thẩm số 117/2021/HSST ngày 07-5-2021 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định đã xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và nay bản án đó đã có hiệu lực pháp luật. Nên, Hội đồng xét xử sẽ tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 117/2021/HSST ngày 07-5-2021 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập ổn định. Nên, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy trong giai đoạn điều tra và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử người bị hại là chị Nguyễn Thị Kiều T và chị Trần Thị T đều có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho mình số tiền bằng với số tiền mà Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y đã định giá đối với tài sản của mình bị chiếm đoạt và cho đến nay bị cáo T cũng chưa có bồi thường được gì cho những người bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại cho chị T và cho chị T theo quy định của pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu vàng đồng gắn BKS 29E1-62263 và gắn BKS là 29V5-04450 mà bị cáo T đã sử dụng để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện V thì hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đang tạm giữ để phục vụ công tác điều tra, xử lý các vụ án có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo T thực hiện trên địa bàn đó và Công an huyện V đã có Công văn đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định xử lý vật chứng đó theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9]. Về án phí sơ thẩm hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự: Buộc bị cáo Đỗ Hồng T phải nộp theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21, 23 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10]. Đối với anh Nguyễn Việt C là người đã mua các cuộn dây điện của bị cáo T, nhưng khi mua anh C hoàn toàn không biết được các cuộn dây điện đó là tài sản do bị cáo T phạm tội mà có. Nên, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã không có bất cứ hình thức xử lý nào đối với anh C, xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Hồng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Đỗ Hồng T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù và tổng hợp với hình phạt 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2021/HSST ngày 07-5-2021 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Buộc bị cáo Đỗ Hồng T phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2020.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 468, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Đỗ Hồng T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kiều T số tiền là 6.759.700 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm đồng) và bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền là 5.036.460 đồng (Năm triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự: Căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Hồng T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 589.800 đồng (Năm trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị T và chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện + tỉnh;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Công an huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Phòng PC10, PV06 CA tỉnh NĐ;
- UBND phường Lam Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Quân**